

Diễn đạt tiếng Anh qua các chủ đề quen thuộc về đời sống



EXPRESSIONS FOR ENGLISH SPEAKING

gamma



NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ

LỜI NÓI ĐẦU

Trong quá trình học tiếng Anh, đã bao giờ bạn đau đầu tự hỏi: "Làm thế nào để bắt tiếng Anh như gió?", hay "Phải diễn đạt câu này bằng tiếng Anh như thế nào?" chưa? Không chỉ bạn mà rất nhiều người học tiếng Anh cũng sầu não vì những câu hỏi tương tự đấy.

Để giao tiếp tốt bằng tiếng Anh, người học trước hết phải nắm được các mẫu câu, từ/cụm từ thường được sử dụng để có thể diễn đạt suy nghĩ của mình một cách tự nhiên, mạch lạc. Bạn có thể bắt đầu từ việc miêu tả những thứ đơn giản như: dáng vẻ và tính cách của một đồng nghiệp, hình dáng và công dụng của các đồ vật thường sử dụng, hay một địa điểm nổi bật ở nơi bạn đang sinh sống... Một khi giới thiệu lưu loát được những thứ gần gũi như vậy, hẳn là bạn sẽ không còn gặp nhiều khó khăn khi trình bày suy nghĩ của mình với người khác.

Trong cuốn **Expressions For English Speaking**, chúng tôi đã giới thiệu 135 câu chuyện cùng 675 cách diễn đạt theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống, nhằm giúp người học có thể dễ dàng và nhanh chóng nắm bắt các cách diễn đạt bằng tiếng Anh. Ngoài ra, cuốn sách còn cung cấp nghĩa của 6 từ vựng hữu ích trong mỗi bài đọc, giúp người học mở rộng vốn từ. Mỗi ngày chăm chỉ đọc một câu chuyện, học 5 cụm và 6 từ, chẳng mấy chốc "trình" giao tiếp của bạn sẽ "thăng hạng" đáng kể đấy. Hy vọng với cuốn **Expressions For English Speaking**, kể cả khi chưa thể bắt tiếng Anh như gió, bạn cũng sẽ tự tin hơn nhiều khi giao tiếp hằng ngày.

MỤC LỤC

PART 01: MIÊU TẢ ĐỒ VẬT

01. Chiếc va li	12	24. Máy tính bảng Galpad	58
02. Ba lô	14	25. Máy tính bảng iTab	60
03. Túi xách	16	26. Nước hoa Be Dangerous	62
04. Đồ chơi treo nôi	18	27. Nước hoa Mademoisele	64
05. Búp bê Barbie	20	28. Nước hoa GK Two	66
06. Ô tô đồ chơi	22	29. Kẹp tiền	68
07. Máy chơi game Playbox	24	30. Ví nữ	70
08. Đồng hồ điện tử	26	31. Giày cao gót	72
09. Đồng hồ thông minh	28	32. Giày đế bằng	74
10. Đồng hồ đeo tay	30	33. Dép xỏ ngón	76
11. Điện thoại myPhone	32	34. Dép xăng đan	78
12. Điện thoại GL Q4	34	35. Ủng đi mưa	80
13. Điện thoại Galoxy Memo5	36	36. Giày lười	82
14. Điện thoại Jiaomi	38	37. Bốt	84
15. Kem nền	40	38. Bốt Suecomma Bommie	86
16. Bút kẻ mắt	42	39. Áo phông	88
17. Phấn má	44	40. Quần soóc	90
18. Son môi	46	41. Áo phao gi-lê	92
19. Xe BMV	48	42. Áo khoác	94
20. Xe Aodi	50	43. Áo phao	96
21. Xe Lamborghdini	52	44. Khuyên tai	98
22. Xe Bvoque	54	45. Nhẫn	100
23. Laptop	56		

PART 02: MIÊU TẢ NGƯỜI

01. Mối tình đầu của tôi	104	25. Bà chủ phòng trưng bày nghệ thuật	152
02. Jack trong quân ngũ	106	26. Nhà cung cấp rau hữu cơ	154
03. Du học sinh ở Việt Nam	108	27. Chuyên viên trang điểm tài giỏi	156
04. Chân dung game thủ	110	28. Du học sinh tại Việt Nam	158
05. Bé út năng động	112	29. Ngôi sao mạng xã hội	160
06. Anh chàng thực tế	114	30. Nhà thiết kế thời trang nổi tiếng	162
07. Bà mẹ cá tính	116	31. Người ưa sạch sẽ	164
08. Siêu mẫu Jenny	118	32. Người phụ nữ thành đạt thích nghỉ ngơi	166
09. Chàng trai tuổi mới lớn	120	33. Tay golf chuyên nghiệp	168
10. Bà mẹ bận rộn	122	34. Ngôi sao điện ảnh	170
11. Trưởng phòng kinh doanh	124	35. Chàng nghệ sĩ giản dị	172
12. Chủ tịch Hội Sinh viên	126	36. Bà chủ quán ăn	174
13. Hot boy bóng rổ	128	37. Cảnh sát New York	176
14. Cô dâu Việt	130	38. Người đi tìm việc	178
15. Giám đốc điều hành công ty dầu tư	132	39. Cô bé đáng yêu	180
16. Bà nội trợ toàn thời gian	134	40. Nữ diễn viên múa ba lê	182
17. Nữ luật sư trẻ tuổi	136	41. Hai anh em sinh đôi	184
18. Cậu bé hiếu kì	138	42. Cô gái thích tập thể dục	186
19. Bà lão hàng xóm	140	43. Chàng nhiếp ảnh gia ưa khám phá	188
20. Cậu bé mê khám phá	142	44. Anh chàng tiếp viên hàng không	190
21. Bác sĩ da liễu	144	45. Nhân viên pha chế cà phê	192
22. Cô bé Laura	146		
23. Chàng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	148		
24. Ông lão tốt bụng	150		

PART 03: MIÊU TẢ ĐỊA ĐIỂM

01. Những khu đất đỏ (1)	196	26. Thành phố ven biển nổi tiếng (3)	246
02. Những khu đất đỏ (2)	198	27. Thành phố ven biển nổi tiếng (4)	248
03. Những khu đất đỏ (3)	200	28. Thành phố ven biển nổi tiếng (5)	250
04. Những khu đất đỏ (4)	202	29. Thành phố ven biển nổi tiếng (6)	252
05. Những khu đất đỏ (5)	204	30. Tây Nguyên (1)	254
06. Địa điểm giải trí (1)	206	31. Tây Nguyên (2)	256
07. Địa điểm giải trí (2)	208	32. Tây Nguyên (3)	258
08. Địa điểm giải trí (3)	210	33. Cuộc sống ở Đồng bằng sông Cửu Long (1)	260
09. Địa điểm giải trí (4)	212	34. Cuộc sống ở Đồng bằng sông Cửu Long (2)	262
10. Những khu phá cách (1)	214	35. Cuộc sống ở Đồng bằng sông Cửu Long (3)	264
11. Những khu phá cách (2)	216	36. Cuộc sống ở Đồng bằng sông Cửu Long (4)	266
12. Những khu phá cách (3)	218	37. Tiến ra miền Bắc (1)	268
13. Những khu phá cách (4)	220	38. Tiến ra miền Bắc (2)	270
14. Những khu xanh mát (1)	222	39. Tiến ra miền Bắc (3)	272
15. Những khu xanh mát (2)	224	40. Tiến ra miền Bắc (4)	274
16. Huế (1)	226	41. Địa điểm ít được biết đến (1)	276
17. Huế (2)	228	42. Địa điểm ít được biết đến (2)	278
18. Huế (3)	230	43. Đảo Phú Quốc (1)	280
19. Huế (4)	232	44. Đảo Phú Quốc (2)	282
20. Chốn cổ xưa (1)	234	45. Đảo Phú Quốc (3)	284
21. Chốn cổ xưa (2)	236	46. Tổng kết	286
22. Mùi của biển (1)	238		
23. Mùi của biển (2)	240		
24. Thành phố ven biển nổi tiếng (1)	242		
25. Thành phố ven biển nổi tiếng (2)	244		



PART 01

Miêu tả đồ vật

Chiếc va li

Today's Story

Chiếc va li này rất to và có vỏ ngoài cứng cáp nên có thể bảo vệ các đồ vật ở bên trong.

Nó có mặt ngoài màu đỏ còn mặt trong là một lớp vải họa tiết da báo.

Nó có bốn bánh xe ở dưới chân nên rất tiện khi di chuyển xung quanh.

This suitcase is big and has a hard cover so the items inside can be protected.

The surface is red but on the inside, it has a leopard-print patterned cloth.

On the bottom, it has four wheels, so it is very convenient when moving around.



Today's Idioms & Expressions



can be protected

có thể được bảo vệ

Những món đồ này có thể được bảo vệ trong một chiếc va li.

These items **can be protected** in a suitcase.



on the inside

ở mặt trong

Mặt bên trong có họa tiết gì không?

Is there any pattern **on the inside**?



leopard-print patterned

họa tiết da báo

Tôi thích đồ vật có họa tiết da báo.

I like **leopard-print patterned** items.



on the bottom

ở dưới cùng, ở đáy

Chẳng có gì ở đáy cả.

There's nothing **on the bottom**.



move around

di chuyển xung quanh

Con robot này có thể di chuyển xung quanh.

The robot can **move around**.

Vocab Check

suitcase (n) va li

cloth (n) vải

cover (n) lớp vỏ

wheel (n) bánh xe

item (n) đồ vật

convenient (a) thuận tiện

A black and white photograph of a woman with long, wavy hair sitting in a hammock. She is wearing a sleeveless top and is holding an open book, looking down at it. The hammock is strung over a wooden deck. In the background, there are dense tropical plants and a wooden railing. The overall mood is peaceful and relaxed.

PART 02

Miêu tả người

Mối tình đầu của tôi

Today's Story

Tôi gặp Chi, mối tình đầu của tôi, ở trường đại học khi tôi 19 tuổi.

Cô ấy rất đẹp và cuốn hút, và chắc chắn là ngoài tầm với của tôi. Ai cũng ngạc nhiên khi chúng tôi thực sự hẹn hò.

Mối quan hệ của chúng tôi nảy nở từ những sở thích chung, như cà phê chẳng hạn. Tôi thậm chí còn nghĩ là cô ấy nghiện cà phê nữa.

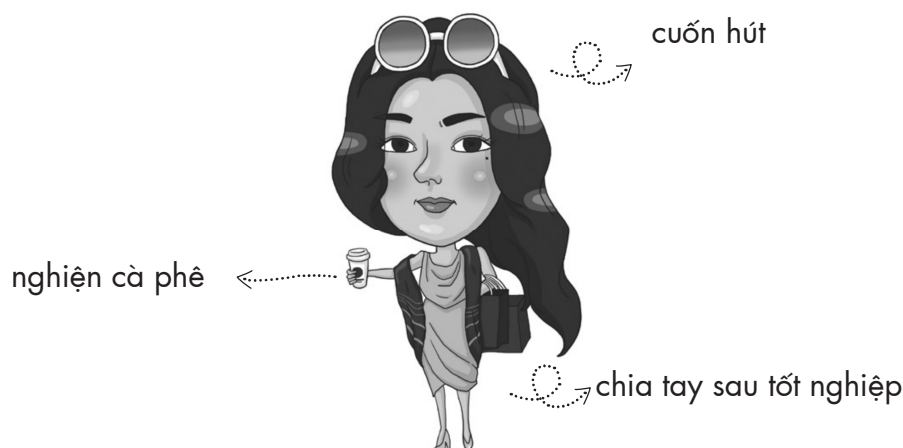
Buồn thay, chúng tôi chia tay sau khi tốt nghiệp vì cô ấy đi du học. Chúng tôi không nói chuyện với nhau kể từ đó.

I met Chi, my first love, in university when I was 19.

She was very beautiful and attractive, and definitely out of my league. Everyone was surprised when we eventually went out.

Our relationship just grew out of common interests, like coffee for example. I even think she was addicted to it.

We broke up after graduation, sadly, as she went to study overseas. We've never talked to each other since then.



Today's Idioms & Expressions



out of one's league

ngoài tầm của ai đó

Cô ấy là cô gái đẹp nhất trường và tôi biết cô ấy ngoài tầm của tôi.

She was the most beautiful girl in school, and I knew she was

out of my league.



go out (with sb)

hẹn hò (với ai)

Chúng tôi thường hẹn hò vào cuối tuần.

We often **go out** on weekends.



grow out of ~

hình thành và phát triển

Vở kịch hình thành từ một dự án của trường.

The play **grew out of** a school project.



be addicted to

nghiện ~

Tôi bị nghiện bài hát này.

I **'m addicted to** this song.



break up

chia tay, kết thúc

Cuộc hôn nhân của họ đã kết thúc.

Their marriage has **broken up**.

Vocab Check

definitely (adv) chắc chắn

eventually (adv) thực sự

common (a) chung

graduation (n) tốt nghiệp

overseas (adv) nước ngoài

since then kể từ đó



PART 03

Miêu tả địa điểm

Những khu đất đỏ (2)

Today's Story

Tọa lạc tại trung tâm khu đô thị Phú Mỹ Hưng là SECC (Trung tâm Hội chợ và Triển lãm Sài Gòn), chỉ cách trung tâm thành phố 15 phút di chuyển.

Đây là khu vực triển lãm lớn nhất và hiện đại nhất miền Nam Việt Nam.

Bên trong SECC là các phòng triển lãm, phòng hội nghị và phòng họp rộng lớn.

Những địa điểm này được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau.

Tháng 11 năm 2021, SECC đạt giải "Trung tâm Hội nghị tốt nhất Việt Nam năm 2021" từ Giải thưởng MICE Thế giới.

Located in Phú Mỹ Hưng City Center is SECC, which stands for Saigon Exhibition and Convention Center. It takes only 15 minutes to get there from the city center.

It is the biggest and most modern exhibition place in south Vietnam.

In the SECC, there are big exhibition halls, convention halls, and meeting rooms.

These places are all used for various purposes.

In November 2021, SECC won the award of "Vietnam's Best Convention Center 2021" from World MICE Awards.

Today's Idioms & Expressions



(be) located in

tọa lạc tại, nằm ở

Công ty tôi có trụ sở ở phố
Hai Bà Trưng.

My company **is located in** Hai Ba
Trung street.



stand for ~

có nghĩa là ~,
đại diện cho

WHO có nghĩa là Tổ chức Y tế
Thế giới.

WHO **stands for** World Health
Organization.



it takes (time) to V

mất bao nhiêu thời gian
để làm gì

Tôi mất 10 phút để đi tới trường.

It takes me 10 minutes to go
to school.



for a/the purpose

vì mục đích

Cô ta tặng món quà ấy cho tôi là có
mục đích cả.

She gave me the gift **for a purpose**.



win an award

thắng giải

Anh ấy nên nhận được giải công dân
gương mẫu.

He should **win an award** for good
citizenship.

Vocab Check

exhibition (n) triển lãm

center (n) trung tâm

modern (a) hiện đại

convention (n) hội nghị

hall (n) phòng lớn, hội trường

various (a) đa dạng